

Số: /GPMT-BQL

Bình Định, ngày tháng 6 năm 2025

GIẤY PHÉP MÔI TRƯỜNG

BAN QUẢN LÝ KHU KINH TẾ TỈNH BÌNH ĐỊNH

Căn cứ Luật Bảo vệ môi trường ngày 17 tháng 11 năm 2020;

Căn cứ Nghị định số 08/2022/NĐ-CP ngày 10 tháng 01 năm 2022 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều của Luật Bảo vệ môi trường và Nghị định số 05/2025/NĐ-CP ngày 06 tháng 01 năm 2025 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số 08/2022/NĐ-CP ngày 10 tháng 01 năm 2022 của Chính phủ;

Căn cứ Nghị định số 35/2022/NĐ-CP ngày 28 tháng 5 năm 2022 của Chính phủ quy định về quản lý khu công nghiệp và khu kinh tế;

Căn cứ Thông tư số 02/2022/TT-BTNMT ngày 10 tháng 01 năm 2022 của Bộ trưởng Bộ Tài nguyên và Môi trường quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Bảo vệ môi trường và Thông tư số 07/2025/TT-BTNMT ngày 28 tháng 02 năm 2025 của Bộ trưởng Bộ Tài nguyên và Môi trường sửa đổi, bổ sung một số điều của Thông tư số 02/2022/TT-BTNMT ngày 10 tháng 01 năm 2022 của Bộ trưởng Bộ Tài nguyên và Môi trường;

Căn cứ Quyết định số 70/2022/QĐ-UBND ngày 31 tháng 10 năm 2022 của Ủy ban nhân dân tỉnh Bình Định ban hành Quy định chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn và cơ cấu tổ chức của Ban Quản lý Khu kinh tế tỉnh Bình Định;

Căn cứ Quyết định số 1746/QĐ-UBND ngày 01 tháng 6 năm 2022 của Ủy ban nhân dân tỉnh Bình Định về việc ủy quyền cho Ban Quản lý Khu kinh tế tỉnh Bình Định giải quyết một số thủ tục hành chính trên lĩnh vực Môi trường thuộc phạm vi thẩm quyền của Ủy ban nhân dân tỉnh;

Xét đề nghị của Công ty TNHH Bê tông Phú Tài tại Văn bản số 67/CVĐN-BTPT ngày 9 tháng 6 năm 2025 về việc chỉnh sửa, bổ sung hoàn thiện hồ sơ báo cáo đề xuất cấp giấy phép môi trường của cơ sở Trạm trộn bê tông thương phẩm Bình Định và hồ sơ kèm theo;

Theo đề nghị của Trưởng Phòng Quản lý Tài nguyên và Môi trường.

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Cấp phép cho Công ty TNHH Bê tông Phú Tài, địa chỉ tại lô B42 (số hiệu cũ lô D1), Khu công nghiệp Phú Tài, phường Trần Quang Diệu, thành phố Quy Nhơn, tỉnh Bình Định được thực hiện các hoạt động bảo vệ môi trường

của cơ sở Trộn bê tông thương phẩm Bình Định với các nội dung như sau:

1. Thông tin chung của cơ sở:

1.1. Tên cơ sở: Trộn bê tông thương phẩm Bình Định.

1.2. Địa điểm hoạt động: Lô B42 (số hiệu cũ lô D1), Khu công nghiệp Phú Tài, phường Trần Quang Diệu, thành phố Quy Nhơn, tỉnh Bình Định.

1.3. Giấy đăng ký kinh doanh, Giấy chứng nhận đầu tư:

- Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp số: 4100749738 do Phòng Đăng ký kinh doanh, Sở Kế hoạch và Đầu tư tỉnh Bình Định cấp lần đầu ngày 10/12/2008, đăng ký thay đổi lần thứ 6 ngày 15/12/2023.

- Giấy chứng nhận đăng ký đầu tư, mã số dự án: 1652534784 do Ban Quản lý Khu kinh tế tỉnh Bình Định cấp, chứng nhận lần đầu ngày 11/7/2002, chứng nhận thay đổi lần thứ hai ngày 19/4/2017.

1.4. Mã số thuế: 4100749738.

1.5. Loại hình sản xuất, kinh doanh, dịch vụ: Sản xuất bê tông thương phẩm.

1.6. Phạm vi, quy mô, công suất của cơ sở:

- Tổng diện tích: 7.424 m².

- Cơ sở đang hoạt động có tiêu chí như dự án nhóm C (phân loại theo tiêu chí quy định của pháp luật về đầu tư công).

- Cơ sở có tiêu chí như dự án đầu tư nhóm III theo quy định của Luật Bảo vệ môi trường, Nghị định số 08/2022/NĐ-CP ngày 10/01/2022 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều của Luật Bảo vệ môi trường.

- Công suất: 120 m³/giờ.

- Quy trình công nghệ sản xuất: Nguyên vật liệu (xi măng, đá, cát, tro bay, nước và phụ gia) → Cân/bơm định lượng → Buồng trộn → Xe bồn vận chuyển bê tông.

2. Nội dung cấp phép môi trường và yêu cầu về bảo vệ môi trường kèm theo:

2.1. Thực hiện các yêu cầu về bảo vệ môi trường đối với nước thải quy định tại Phụ lục 01 ban hành kèm theo Giấy phép môi trường này.

2.2. Được phép xả khí thải ra môi trường và thực hiện yêu cầu về bảo vệ môi trường quy định tại Phụ lục 02 ban hành kèm theo Giấy phép môi trường này.

2.3. Bảo đảm giá trị giới hạn đối với tiếng ồn, độ rung và thực hiện yêu cầu về bảo vệ môi trường quy định tại Phụ lục 03 ban hành kèm theo Giấy phép môi trường này.

2.4. Yêu cầu về quản lý chất thải, phòng ngừa và ứng phó sự cố môi trường quy định tại Phụ lục 04 ban hành kèm theo Giấy phép môi trường này.

2.5. Yêu cầu khác về bảo vệ môi trường quy định tại Phụ lục 05 ban hành

kèm theo Giấy phép môi trường này.

Điều 2. Quyền, nghĩa vụ và trách nhiệm của Công ty TNHH Bê tông Phú Tài:

1. Có quyền, nghĩa vụ theo quy định tại Điều 47 Luật Bảo vệ môi trường.

2. Công ty TNHH Bê tông Phú Tài có trách nhiệm:

2.1. Chỉ được phép thực hiện các nội dung cấp phép sau khi đã hoàn thành các công trình bảo vệ môi trường tương ứng.

2.2. Vận hành thường xuyên, đúng quy trình các công trình xử lý chất thải bảo đảm chất thải sau xử lý đạt quy chuẩn kỹ thuật môi trường; có biện pháp giảm thiểu tiếng ồn, độ rung đáp ứng yêu cầu bảo vệ môi trường; quản lý chất thải theo quy định của pháp luật. Chịu trách nhiệm trước pháp luật khi các chất ô nhiễm, tiếng ồn, độ rung không đạt yêu cầu cho phép tại Giấy phép môi trường này và phải dừng ngay các hoạt động liên quan đến việc đầu nôi nước thải, xả khí thải, phát sinh tiếng ồn, độ rung để thực hiện các biện pháp khắc phục theo quy định của pháp luật.

2.3. Thực hiện đúng, đầy đủ các yêu cầu về bảo vệ môi trường trong Giấy phép môi trường này và các quy định của pháp luật về bảo vệ môi trường.

2.4. Báo cáo kịp thời về Ban Quản lý Khu kinh tế, UBND phường Trần Quang Diệu nếu xảy ra các sự cố đối với các công trình xử lý chất thải, sự cố khác dẫn đến ô nhiễm môi trường.

2.5. Trong quá trình thực hiện nếu có thay đổi khác với các nội dung quy định tại Giấy phép môi trường này, phải kịp thời báo cáo đến Ban Quản lý Khu kinh tế để được xem xét, giải quyết.

Điều 3. Thời hạn của Giấy phép: 10 năm (Kể từ ngày Giấy phép môi trường này được ký ban hành đến ngày 25 tháng 6 năm 2035).

Điều 4. Giao Phòng Quản lý Tài nguyên và Môi trường tổ chức kiểm tra việc thực hiện các nội dung quy định tại Giấy phép môi trường này, yêu cầu bảo vệ môi trường đối với cơ sở được cấp phép theo quy định của pháp luật./.

**KT. TRƯỞNG BAN
PHÓ TRƯỞNG BAN**

Nơi nhận:

- Sở Nông nghiệp và Môi trường;
- UBND phường Trần Quang Diệu;
- Công ty TNHH Bê tông Phú Tài;
- Công ty CP Đầu tư và Xây dựng Bình Định;
- Trung tâm Phục vụ HCC tỉnh;
- Lãnh đạo Ban;
- Các Phòng: QLĐT, QLQHXD, QLDN;
- VP Ban (công khai trên website);
- VP Đại diện BQL;
- Lưu: VT, P.QLTNMT.

Nguyễn Thanh Nguyên

Phụ lục 01

NỘI DUNG CẤP PHÉP XẢ NƯỚC THẢI VÀO NGUỒN NƯỚC VÀ YÊU CẦU BẢO VỆ MÔI TRƯỜNG ĐỐI VỚI THU GOM, XỬ LÝ NƯỚC THẢI

(Kèm theo Giấy phép môi trường số /GPMT-BQL ngày tháng 6 năm 2025 của Ban Quản lý Khu kinh tế tỉnh Bình Định)

A. NỘI DUNG CẤP PHÉP XẢ NƯỚC THẢI

Cơ sở không thuộc đối tượng phải cấp phép xả nước thải theo quy định tại Điều 39 Luật Bảo vệ môi trường. Toàn bộ nước thải sinh hoạt phát sinh được thu gom, xử lý sơ bộ, sau đó đầu nối vào hệ thống thu gom, xử lý nước thải tập trung của Khu công nghiệp Phú Tài; nước thải sản xuất (phát sinh từ quá trình rửa xe bồn, rửa buồng trộn, vệ sinh nền khu buồng trộn) được thu gom, xử lý sơ bộ và tuần hoàn tái sử dụng cho hoạt động sản xuất, không xả thải ra môi trường.

B. YÊU CẦU BẢO VỆ MÔI TRƯỜNG ĐỐI VỚI THU GOM, XỬ LÝ NƯỚC THẢI

1. Công trình, biện pháp thu gom, xử lý nước thải:

1.1. Mạng lưới thu gom nước thải từ các nguồn phát sinh để đưa về hệ thống xử lý nước thải:

- Nước thải sinh hoạt: Nước thải phát sinh từ 02 nhà vệ sinh được thu gom, xử lý sơ bộ qua 02 bể tự hoại 03 ngăn, sau đó cùng với nước thải từ các lavabo, vệ sinh sàn nhà tự chảy theo đường ống nhựa PVC D114mm chôn ngầm đầu nối về hố ga thu gom nước thải tập trung của Khu công nghiệp.

- Nước thải sản xuất (phát sinh từ quá trình rửa xe bồn, rửa buồng trộn, vệ sinh nền khu buồng trộn) được thu gom về hệ thống xử lý nước thải sản xuất (gồm 01 bể thu gom và 01 bể lắng) bằng mương bê tông có kích thước BxH = 30cm x 5cm. Nước thải sau xử lý tại bể lắng được bơm vào 01 bể chứa ngầm, nước từ bể chứa ngầm này được bơm tuần hoàn tái sử dụng lại cho quá trình sản xuất bê tông thương phẩm, rửa xe bồn, rửa buồng trộn và vệ sinh nền khu buồng trộn bằng đường ống nhựa nổi di động. Vào mùa mưa, khi lượng nước thải trong các bể gom và bể lắng tăng do tiếp nhận thêm lượng nước mưa rơi vào khu vực lưu chứa xà bần (cặn rắn) và nước mưa rơi trực tiếp vào các bể, nước thải sau xử lý từ bể lắng một phần được bơm về bể chứa để tái sử dụng như trên, một phần được bơm theo đường ống nhựa PVC D42mm từ bể lắng vào đường thoát nước thải ngầm PVC D90mm, sau đó đầu nối vào đường ống thoát nước thải chung PVC D114mm của nhà máy để đầu nối vào hố ga thu gom nước thải tập trung của Khu công nghiệp.

- Tọa độ hố ga đầu nối nước thải: X = 1.524.802; Y = 595.957 (theo hệ tọa độ VN2000, kinh tuyến $108^{\circ} 15'$, mũi chiếu 3°).

1.2. Công trình, thiết bị xử lý nước thải:

1.2.1. Công trình xử lý sơ bộ nước thải sinh hoạt:

- Tóm tắt quy trình thu gom, xử lý:

Nước thải sinh hoạt từ 02 khu nhà vệ sinh → Bể tự hoại 03 ngăn (Ngăn chứa → Ngăn lắng → Ngăn lọc) + Nước thải từ các lavabo, vệ sinh sàn nhà → Hố ga lắng cặn → Hố ga đầu nối vào hệ thống thu gom nước thải của Khu công nghiệp.

- Dung tích bể tự hoại: $8,32\text{m}^3/\text{bể}$ (02 bể).
- Hóa chất, vật liệu sử dụng: không.

1.2.2. Công trình xử lý nước thải sản xuất và tuần hoàn tái sử dụng:

- Tóm tắt quy trình thu gom, xử lý:

Nước thải phát sinh từ quá trình rửa xe bồn, rửa buồng trộn, vệ sinh nền khu buồng trộn → Bể thu gom → Bể lắng → Bể chứa nước sau xử lý (ngầm) → Tái sử dụng cho hoạt động sản xuất.

- Dung tích bể xử lý:
- + 01 Bể thu gom: $31,3\text{m}^3$.
- + 01 Bể lắng: $53,66\text{ m}^3$.
- + 01 Bể chứa nước sau xử lý: $68,80\text{ m}^3$.
- Hóa chất, vật liệu sử dụng: không.

1.3. Hệ thống, thiết bị quan trắc nước thải tự động, liên tục: Không thuộc đối tượng phải lắp đặt.

1.4. Biện pháp, công trình, thiết bị phòng ngừa, ứng phó sự cố:

- Thường xuyên kiểm tra, giám sát, duy tu, bảo dưỡng các công trình thu gom, xử lý nước thải (các bể thu gom, lắng nước thải), không để xảy ra tình trạng xuống cấp, hư hỏng dẫn đến nguy cơ để nước thải chưa xử lý thoát ra ngoài môi trường.

- Định kỳ nạo vét, hút bùn cặn tại bể tự hoại, các bể chứa nước thải để đảm bảo dung tích lưu chứa và hiệu quả thu gom, xử lý nước thải.

- Định kỳ kiểm tra, sửa chữa hoặc thay thế các thiết bị bơm nước thải để đảm bảo tính kịp thời, hiệu quả khi sử dụng.

2. Kế hoạch vận hành thử nghiệm:

Các công trình xử lý sơ bộ nước thải của cơ sở không thuộc đối tượng phải vận hành thử nghiệm.

3. Các yêu cầu về bảo vệ môi trường:

3.1. Hệ thống thu gom, xử lý sơ bộ nước thải phải tách biệt với hệ thống thu gom, thoát nước mưa.

3.2. Thực hiện việc thu gom, xử lý sơ bộ các nguồn nước thải phát sinh, đảm bảo chất lượng nước thải trước khi đầu nối vào hệ thống thu gom nước thải tập trung của Khu công nghiệp đạt tiêu chuẩn đối nối theo nội dung thỏa thuận thống nhất với Công ty Cổ phần Đầu tư và Xây dựng Bình Định.

3.3. Hoạt động rửa xe bồn phải được thực hiện đúng vị trí đã quy hoạch trong mặt bằng để đảm bảo thu gom được toàn bộ lượng nước thải phát sinh về các bể thu gom, xử lý nước thải.

3.4. Công ty chịu hoàn toàn trách nhiệm khi xả nước thải ra môi trường không đúng quy định.

Phụ lục 02

NỘI DUNG CẤP PHÉP XẢ KHÍ THẢI VÀ YÊU CẦU BẢO VỆ MÔI TRƯỜNG ĐỐI VỚI THU GOM, XỬ LÝ KHÍ THẢI

(Kèm theo Giấy phép môi trường số /GPMТ-BQL ngày tháng 6 năm 2025 của Ban Quản lý Khu kinh tế tỉnh Bình Định)

A. NỘI DUNG CẤP PHÉP XẢ KHÍ THẢI

1. Nguồn phát sinh khí thải:

- Nguồn số 01: Bụi phát sinh từ quá trình hoạt động của 01 trong 03 silô chứa xi măng (03 silô chứa xi măng hoạt động luân phiên, không hoạt động cùng chung một thời điểm).

- Nguồn số 02: Bụi phát sinh từ quá trình hoạt động của silô chứa tro bay.

2. Dòng khí thải, vị trí xả khí thải

2.1. Vị trí xả khí thải:

- Dòng số 01: Tại ống thoát khí của hệ thống filter lọc bụi số 01 (xử lý bụi phát sinh từ hoạt động của 01 trong 03 silô chứa xi măng), tọa độ: X = 1.524.856; Y = 595.943

- Dòng số 02: Tại ống thoát khí của hệ thống filter lọc bụi số 02 (xử lý bụi phát sinh từ silô chứa tro bay), tọa độ: X = 1.524.865; Y = 595.946.

(Hệ tọa độ VN2000, kinh tuyến $108^{\circ}15'$, múi chiều 3°).

2.2. Lưu lượng xả khí thải lớn nhất: 7.560 m³/giờ.

- Dòng số 01: Lưu lượng 3.780 m³/giờ.

- Dòng số 02: Lưu lượng 3.780 m³/giờ.

2.2.1. Phương thức xả khí thải: Xả gián đoạn theo thời gian hoạt động sản xuất, tối đa 08 giờ/ngày.

2.2.2. Chất lượng khí thải (bụi) trước khi xả vào môi trường không khí phải bảo đảm đáp ứng yêu cầu về bảo vệ môi trường và Quy chuẩn kỹ thuật môi trường đối với bụi, khí thải theo QCVN 19:2009/BTNMT - Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về khí thải công nghiệp đối với bụi và các chất vô cơ, cột B, Kp = 1,0 và Kv = 1,0, cụ thể như sau:

TT	Thông số ô nhiễm	Đơn vị	Giá trị giới hạn cho phép	Tần suất quan trắc định kỳ	Quan trắc tự động, liên tục
01	Bụi tổng	mg/Nm ³	200	Không thuộc đối tượng	Không thuộc đối tượng
02	Lưu lượng	m ³ /giờ	-		

Ghi chú: Kể từ ngày 01/01/2032, giá trị giới hạn cho phép của các thông

số ô nhiễm trong khí thải công nghiệp của cơ sở khi xả thải ra môi trường không khí phải đáp ứng quy định tại QCVN 19:2024/BTNMT - Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về khí thải công nghiệp.

B. YÊU CẦU BẢO VỆ MÔI TRƯỜNG ĐỐI VỚI THU GOM, XỬ LÝ KHÍ THẢI

1. Công trình, biện pháp thu gom, xử lý khí thải

1.1. Mạng lưới thu gom bụi, khí thải từ các nguồn phát sinh bụi, khí thải để đưa về hệ thống xử lý:

- Bụi phát sinh từ quá trình hoạt động của 01 trong 03 silô chứa xi măng được thu gom vào filter lọc bụi số 01 bằng đường ống thép, đường kính Ø110mm.

- Bụi phát sinh từ quá trình hoạt động của silô chứa tro bay được thu gom vào filter lọc bụi số 02 bằng đường ống thép, đường kính Ø110mm.

1.2. Công trình, thiết bị xử lý bụi, khí thải:

- Tóm tắt quy trình công nghệ:

- + Bụi phát sinh từ quá trình hoạt động của 01 trong 03 silô chứa xi măng → filter lọc bụi số 01 → Ống thoát → Thoát ra môi trường.

- + Bụi phát sinh từ silô chứa tro bay → filter lọc bụi số 02 → Ống thoát → Thoát ra môi trường.

- Công suất thiết kế: 3.780 m³/giờ/filter lọc bụi.

- Hóa chất, vật liệu sử dụng:

- + Hóa chất: Không sử dụng;

- + Vật liệu: Túi lọc bụi bằng Polyester không dệt.

1.3. Hệ thống, thiết bị quan trắc khí thải tự động, liên tục: Không thuộc đối tượng phải lắp đặt.

1.4. Biện pháp, công trình, thiết bị phòng ngừa, ứng phó sự cố:

- Thường xuyên kiểm tra, giám sát liên tục quá trình vận hành hệ thống đường ống thu gom và thiết bị lọc bụi của cơ sở để kịp thời bảo trì, bảo dưỡng, sửa chữa hoặc thay thế các bộ phận hư hỏng xuống cấp, đảm bảo hiệu quả thu gom, xử lý bụi đạt quy chuẩn môi trường hiện hành trước khi thoát ra ngoài môi trường; trang bị các máy móc, thiết bị dự phòng để kịp thời thay thế khi bị hư hỏng.

- Vận hành hệ thống xử lý bụi theo đúng quy trình kỹ thuật đã được nhà cung cấp chuyên giao.

- Đào tạo đội ngũ công nhân nắm vững quy trình vận hành và có khả năng sửa chữa, khắc phục khi sự cố xảy ra.

- Trong quá trình hoạt động, khi có sự cố liên quan đến việc vận hành các thiết bị lọc bụi, Công ty phải tạm dừng ngay các hoạt động sản xuất có phát sinh

bụi để tập trung xác định nguyên nhân và sửa chữa, khắc phục kịp thời.

2. Kế hoạch vận hành thử nghiệm: Không thuộc đối tượng phải vận hành thử nghiệm theo quy định tại Điều 31 Nghị định số 08/2022/NĐ-CP ngày 10 tháng 01 năm 2022 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều của Luật Bảo vệ môi trường; được sửa đổi, bổ sung tại Nghị định số 05/2025/NĐ-CP ngày 06 tháng 01 năm 2025 của Chính phủ.

3. Các yêu cầu về bảo vệ môi trường:

3.1. Thu gom, xử lý bụi, khí thải phát sinh từ hoạt động của cơ sở bảo đảm đáp ứng quy định về giá trị giới hạn cho phép của chất ô nhiễm tại Phần A Phụ lục này trước khi xả thải ra ngoài môi trường.

3.2. Vận hành thường xuyên, đúng quy trình công trình xử lý bụi đảm bảo không để bụi phát tán ra môi trường làm ảnh hưởng đến chất lượng môi trường không khí trong và ngoài phạm vi cơ sở. Thường xuyên kiểm tra tình trạng hoạt động của hệ thống lọc bụi và kịp thời có phương án thay thế khi có dấu hiệu hư hỏng, xuống cấp.

3.3. Đảm bảo thực hiện quy trình nạp liệu xi măng và tro bay vào các xilo theo đúng nội dung đã đăng ký trong Báo cáo đề xuất cấp Giấy phép môi trường (03 silô chứa xi măng phải hoạt động luân phiên, không hoạt động cùng chung một thời điểm) để không làm ảnh hưởng đến hiệu quả hoạt động của filter lọc bụi số 01.

3.4. Đảm bảo bố trí đủ nguồn lực, trang thiết bị để vận hành hiệu quả hệ thống thu gom, lọc bụi; Đảm bảo ống thoát của hệ thống xử lý bụi phải có điểm (cửa) lấy mẫu với đường kính hoặc độ rộng theo quy định, có nắp đậy để điều chỉnh độ mở rộng, bố trí sàn thao tác đảm bảo an toàn, thuận lợi khi thực hiện việc lấy mẫu (Vị trí điểm lấy mẫu, đường kính hoặc độ rộng đảm bảo theo quy định tại Phụ lục 5 ban hành kèm theo Thông tư số 10/2021/TT-BTNMT ngày 30/6/2021).

3.5. Trong quá trình hoạt động, khi có sự cố liên quan đến việc vận hành các công trình, thiết bị lọc bụi, Công ty phải tạm dừng ngay các hoạt động sản xuất có phát sinh bụi, khí thải để tập trung xác định nguyên nhân và sửa chữa, khắc phục kịp thời.

3.6. Công ty chịu hoàn toàn trách nhiệm khi xả bụi không đảm bảo các yêu cầu tại Giấy phép môi trường này.

Phụ lục 03**BẢO ĐẢM GIÁ TRỊ GIỚI HẠN ĐỐI VỚI TIẾNG ỒN, ĐỘ RUNG
VÀ CÁC YÊU CẦU BẢO VỆ MÔI TRƯỜNG**

(Kèm theo Giấy phép môi trường số /GPMT-BQL ngày tháng 6 năm 2025
của Ban Quản lý Khu kinh tế tỉnh Bình Định)

A. NỘI DUNG CẤP PHÉP VỀ TIẾNG ỒN, ĐỘ RUNG

1. Nguồn phát sinh tiếng ồn, độ rung: Khu vực đặt thiết bị Trạm trộn bê tông thương phẩm.

2. Tiếng ồn, độ rung phải bảo đảm đáp ứng yêu cầu về bảo vệ môi trường và QCVN 26:2010/BTNMT - Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về tiếng ồn và QCVN 27:2010/BTNMT - Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về độ rung, cụ thể như sau:

2.1. Tiếng ồn:

TT	Thời gian áp dụng trong ngày và mức ồn cho phép (dBA)		Tần suất quan trắc định kỳ	Ghi chú
	Từ 6 giờ đến 21 giờ	Từ 21 giờ đến 6 giờ		
1	70	55	-	Khu vực thông thường

2.2. Độ rung:

TT	Thời gian áp dụng trong ngày và mức gia tốc rung cho phép (dB)		Tần suất quan trắc định kỳ	Ghi chú
	Từ 6 giờ đến 21 giờ	Từ 21 giờ đến 6 giờ		
1	70	60	-	Khu vực thông thường

B. YÊU CẦU BẢO VỆ MÔI TRƯỜNG ĐỐI VỚI TIẾNG ỒN, ĐỘ RUNG

1. Các nguồn phát sinh tiếng ồn, độ rung phải được giảm thiểu bảo đảm nằm trong giới hạn cho phép quy định tại Phần A Phụ lục này.

2. Định kỳ kiểm tra, bảo dưỡng các máy móc, thiết bị để hạn chế phát sinh tiếng ồn, độ rung.

Phụ lục 04**YÊU CẦU VỀ QUẢN LÝ CHẤT THẢI,
PHÒNG NGỪA VÀ ỨNG PHÓ SỰ CỐ MÔI TRƯỜNG**

(Kèm theo Giấy phép môi trường số /GPMT-BQL ngày tháng 6 năm 2025
của Ban Quản lý Khu kinh tế tỉnh Bình Định)

A. QUẢN LÝ CHẤT THẢI**1. Chung loại, khối lượng chất thải phát sinh:**

1.1. Khối lượng, chủng loại chất thải nguy hại phát sinh thường xuyên:

TT	Tên chất thải	Mã chất thải	Khối lượng (kg/năm)
1	Các loại dầu động cơ, hộp số và bôi trơn tổng hợp thải	17 02 03	45
2	Thiết bị linh kiện điện tử thải	16 01 13	2
3	Bóng đèn huỳnh quang thải	16 01 06	2
Tổng cộng			49

1.2. Khối lượng, chủng loại chất thải rắn công nghiệp thông thường phát sinh:

STT	Loại chất thải	Khối lượng (kg/tháng)
1	Xà bần (cặn rắn) nạo vét từ các bể xử lý nước thải sản xuất đưa lên khu vực lưu chứa.	1.300
2	Giấy carton, bao bì nilon, bao bì chứa nguyên liệu, túi vải lọc bụi hồng, ...	50
3	Phế liệu các loại: sắt, thép, nhựa	100
4	Khối bê tông đóng rắn (sản phẩm thí nghiệm)	100
TỔNG CỘNG		1.550

1.3. Khối lượng chất thải rắn sinh hoạt phát sinh: khoảng 0,52 tấn/tháng.

1.4. Khối lượng, chủng loại chất thải công nghiệp cần phải kiểm soát:

TT	Tên chất thải	Mã chất thải	Khối lượng (kg/năm)
1	Bao bì kim loại cứng (đã chứa chất khi thải ra là chất thải nguy hại) thải (thùng đựng nhớt đã qua sử dụng,...)	18 01 02	25
2	Chất hấp thụ (cát hấp thụ dính dầu nhớt), giẻ lau thải bị nhiễm các thành phần nguy hại	18 02 01	46
Tổng cộng			71

2. Yêu cầu bảo vệ môi trường đối với việc lưu giữ chất thải rắn sinh hoạt, chất thải rắn công nghiệp thông thường, chất thải nguy hại:

2.1. Hệ thống, công trình lưu giữ chất thải nguy hại:

- Diện tích kho chứa: Bố trí 01 nhà kho có diện tích 4,8 m², tại vị trí phía Nam mặt bằng cơ sở để lưu chứa chất thải nguy hại và chất thải công nghiệp phải kiểm soát.

- Thiết kế, cấu tạo của kho chứa: Nền bê tông chống thấm, kín khít, không bị thấm thấu; cos nền cao hơn cos mặt bằng xung quanh, đảm bảo ngăn nước mưa chảy tràn từ bên ngoài vào; gờ chống tràn đảm bảo không chảy tràn chất thải lỏng ra bên ngoài khi có sự cố rò rỉ, đổ tràn; có mái che kín nắng, mưa; biển cảnh báo (kích thước mỗi chiều tối thiểu 30cm); bên trong dán mã chất thải, nhãn cảnh báo và bố trí thùng chuyên dụng để phân loại, lưu chứa chất thải; trang bị thiết bị, dụng cụ PCCC, có vật liệu hấp thụ,... theo quy định.

2.2. Hệ thống, công trình lưu giữ chất thải rắn công nghiệp thông thường:

2.2.1. Đối với các loại bao bì carton, nilon, bao bì chứa nguyên liệu, túi vải lọc bụi hồng, sắt, thép, nhựa phế liệu,...:

- Diện tích kho chứa/khu vực lưu chứa: Bố trí 01 khu vực lưu chứa có diện tích 327,52 m², tại vị trí phía Nam mặt bằng cơ sở để lưu chứa.

- Khu vực lưu chứa có nền đảm bảo kín khít, không bị thấm thấu, không rạn nứt; cos nền cao hơn cos mặt bằng xung quanh; có mái che kín nắng, mưa; tường bao xung quanh;...

2.2.2. Đối với cặn rắn (xà bần) được nạo vét từ các bể xử lý nước thải sản xuất:

- Diện tích khu vực lưu chứa: Bố trí 01 khu vực lưu chứa có diện tích 190m² phía Đông Bắc mặt bằng cơ sở.

- Khu vực lưu chứa đảm bảo có bờ bao xung quanh, không để chảy tràn nước thải ra ngoài mặt bằng.

2.3. Hệ thống, công trình lưu giữ chất thải rắn sinh hoạt:

Trang bị các thùng chứa chất thải chuyên dụng có nắp đậy, đặt tại các khu vực nhà ăn, nhà văn phòng, nhà vệ sinh để phân loại, đảm bảo lưu chứa toàn bộ lượng chất thải phát sinh.

B. YÊU CẦU VỀ PHÒNG NGỪA VÀ ỨNG PHÓ SỰ CỐ MÔI TRƯỜNG

1. Thực hiện phương án phòng ngừa, ứng phó sự cố môi trường và các sự cố khác liên quan theo quy định pháp luật.

2. Trong quá trình hoạt động nếu xảy ra sự cố môi trường, phải chủ động thực hiện mọi biện pháp xử lý, khắc phục và báo cáo kịp thời đến Ban Quản lý Khu kinh tế tỉnh Bình Định và các cơ quan có liên quan để hướng dẫn giải quyết. Trường hợp để xảy ra sự cố gây ảnh hưởng kinh tế, môi trường, Công ty hoàn toàn chịu trách nhiệm khắc phục, đền bù thiệt hại.

3. Thực hiện quản lý các chất thải phát sinh trong quá trình hoạt động đảm

bảo các yêu cầu về an toàn, vệ sinh môi trường và theo đúng các quy định của pháp luật về bảo vệ môi trường. Thực hiện phân định, phân loại các chất thải rắn sinh hoạt, chất thải rắn công nghiệp thông thường, chất thải công nghiệp phải kiểm soát và chất thải nguy hại theo quy định của Luật Bảo vệ môi trường năm 2020, Nghị định số 08/2022/NĐ-CP ngày 10/01/2022; được sửa đổi, bổ sung tại Nghị định số 05/2025/NĐ-CP ngày 06/01/2025 của Chính phủ và Thông tư số 02/2022/TT-BTNMT ngày 10/01/2022; được sửa đổi, bổ sung tại Thông tư số 07/2025/TT-BTNMT ngày 28/02/2025 của Bộ Tài nguyên và Môi trường. Định kỳ chuyển giao chất thải cho đơn vị có chức năng thu gom, vận chuyển và xử lý theo quy định.

Phụ lục 05**CÁC YÊU CẦU KHÁC VỀ BẢO VỆ MÔI TRƯỜNG**

(Kèm theo Giấy phép môi trường số /GPMT-BQL ngày tháng 6 năm 2025 của Ban Quản lý Khu kinh tế tỉnh Bình Định)

1. Công khai Giấy phép môi trường của cơ sở trên cổng thông tin điện tử của Công ty hoặc tại trụ sở UBND phường Trần Quang Diệu trong thời hạn tối đa 10 ngày kể từ ngày cấp Giấy phép môi trường.
2. Báo cáo công tác bảo vệ môi trường định kỳ hàng năm theo đúng quy định pháp luật hiện hành.
3. Trồng cây xanh trong phạm vi mặt bằng đảm bảo tỷ lệ diện tích theo quy hoạch được duyệt.
4. Duy trì vận hành thường xuyên, hiệu quả các công trình xử lý, bảo vệ môi trường trong quá trình hoạt động của cơ sở; thường xuyên theo dõi, giám sát và cải tạo, nâng cấp, sửa chữa kịp thời khi bị hư hỏng, xuống cấp, không để phát tán chất thải không đạt quy chuẩn cấp phép ra môi trường.
5. Các loại chất thải nguy hại phải được phân loại theo mã chất thải để lưu giữ trong các thiết bị lưu chứa phù hợp; chất thải công nghiệp phải kiểm soát, trường hợp chưa được phân định thì phải thực hiện quản lý như chất thải nguy hại. Được sử dụng chung thiết bị lưu chứa đối với các mã chất thải nguy hại có cùng tính chất, không có khả năng gây phản ứng, tương tác lẫn nhau và có khả năng xử lý bằng cùng một phương pháp; thực hiện lưu giữ chứng từ chất thải nguy hại theo quy định tại Mẫu số 04 Phụ lục III ban hành kèm theo Thông tư số 02/2022/TTBTNMT ngày 10/01/2022 đã được sửa đổi, bổ sung tại Thông tư số 07/2025/TT-BTNMT ngày 28/02/2025.
6. Có trách nhiệm ban hành và tổ chức thực hiện kế hoạch phòng ngừa, ứng phó sự cố môi trường theo quy định của Luật Bảo vệ môi trường năm 2020, Nghị định số 08/2022/NĐ-CP ngày 10/01/2022 và phù hợp với nội dung phòng ngừa, ứng phó sự cố môi trường trong Giấy phép môi trường này. Trường hợp kế hoạch ứng phó sự cố môi trường được lồng ghép, tích hợp và phê duyệt cùng với kế hoạch ứng phó sự cố khác theo quy định tại điểm b, khoản 6 Điều 124 Luật Bảo vệ môi trường thì phải đảm bảo có đầy đủ các nội dung theo quy định tại khoản 2 Điều 108 Nghị định số 08/2022/NĐ-CP ngày 10/01/2022.
7. Thực hiện nghiêm túc công tác PCCC; tuân thủ các yêu cầu về an toàn lao động và thực hiện đầy đủ các yêu cầu khác về bảo vệ môi trường theo quy định của pháp luật hiện hành.
8. Bố trí đủ kinh phí để thực hiện các biện pháp bảo vệ môi trường, phòng ngừa, ứng phó các sự cố môi trường trong quá trình hoạt động. Công ty phải chịu hoàn toàn trách nhiệm khi để xảy ra các sự cố môi trường liên quan đến chất thải tại cơ sở.

9. Trường hợp các văn bản quy phạm pháp luật, quy chuẩn kỹ thuật môi trường nêu tại Giấy phép môi trường này có sửa đổi, bổ sung hoặc được thay thế thì áp dụng theo quy định mới./.